

# Phát triển du lịch sinh thái tại khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang - Quan điểm từ các bên liên quan

**Nguyễn Thị Trâm Anh**

*Trường Đại học Nha Trang*

**Nguyễn Đức Minh Tân**

*Ban Quản lý Vịnh Nha Trang*

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

*Trường Đại học Nha Trang*

*Email liên hệ: anhntt@ntu.edu.vn*

**Tóm tắt:** Với những tác động đa chiều lên kinh tế - xã hội, môi trường, văn hoá và cộng đồng địa phương, du lịch sinh thái (DLST) đòi hỏi sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Khu bảo tồn biển (KBTB) Vịnh Nha Trang, với hệ sinh thái biển phong phú, được xem là khu vực có tiềm năng lớn để phát triển DLST. Nghiên cứu này nhằm phân tích sự tham gia của các bên liên quan trong phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang, dựa trên dữ liệu thứ cấp 2019 - 2023 và khảo sát các bên liên quan: cộng đồng địa phương, du khách, doanh nghiệp du lịch và cán bộ quản lý. Nghiên cứu đề xuất khung tiếp cận quản lý đa bên phù hợp với phát triển DLST, đồng thời khẳng định sự tham gia của các bên liên quan không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý, mà còn thúc đẩy sự phối hợp đa chiều trong việc phát triển DLST bền vững tại KBTB Vịnh Nha Trang.

**Từ khóa:** Các bên liên quan; Du lịch sinh thái; Khu bảo tồn biển; Vịnh Nha Trang

## **Ecotourism development in Nha Trang Bay Marine Protected Area – Perspectives from stakeholders**

**Abstract:** Given its multidimensional impacts on the economy - society, environment, culture, and local communities, ecotourism (ET) requires the effective participation of stakeholders to ensure sustainable development. Nha Trang Bay Marine Protected Area (MPA), with its rich marine ecosystem, is considered a highly promising area for ecotourism development. This study aims to analyze the stakeholder participation in ET development within Nha Trang Bay MPA, based on secondary data (2019 - 2023) and surveys of key stakeholders, including local communities, tourists, tourism enterprises, and management officials. The study proposes a multi-stakeholder-based management framework tailored to ecotourism development, while also emphasizing that stakeholder participation not only enhances management effectiveness but also fosters multidimensional coordination toward sustainable ecotourism development in the Nha Trang Bay Marine Protected Area.

**Keywords:** Ecotourism; Marine Protected Area; Nha Trang Bay; Stakeholders.

**Ngày gửi bài:** 10/10/2025; **Ngày phản biện:** 03/12/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/12/2025.

### **1. Đặt vấn đề**

Du lịch sinh thái (DLST) là du lịch có trách nhiệm đối với các khu vực tự nhiên gắn với bảo tồn môi trường, duy trì phúc lợi của người dân địa phương và hướng đến giáo dục (TIES, 2015). DLST không chỉ là hoạt động du lịch mà còn ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng địa phương nên sự tham gia của các bên liên quan (BLQ) đóng vai trò quan trọng gồm cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, Chính phủ và khách du lịch (Muganda & cộng sự, 2013; Amoako & cộng sự, 2022; Malangalila & Mhache, 2023; Rahman, 2023; Sharma, 2024). Vì vậy, các BLQ cần có sự phối hợp chặt chẽ và hướng đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, văn hóa cộng đồng và đem lại lợi ích lâu dài cho các bên.

Khu bảo tồn biển (KBTB) Hòn Mun được biết là KBTB đầu tiên ở Việt Nam và được thành lập năm 2001. KBTB này có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển DLST biển nhờ có hệ sinh thái

रण san hô có mức độ đa dạng sinh học cao. Năm 2005, KBTB Hòn Mun đổi tên thành KBTB Vịnh Nha Trang nhằm bảo vệ đa dạng hệ sinh thái biển, phát triển sinh kế cộng đồng địa phương và nâng cao nhận thức người dân, du khách về bảo vệ môi trường. Nơi đây có cộng đồng cư dân tại đảo Bích Đầm (228 hộ) và đảo Trí Nguyên (670 hộ) sinh sống. Tham gia vào phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang gồm có BQL Vịnh Nha Trang, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, người dân địa phương và du khách. Làm thế nào để các BLQ hợp tác hiệu quả nhằm phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao sinh kế cho cộng đồng địa phương? Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích quan điểm của các BLQ trong việc phát triển DLST tại khu vực này. Trên cơ sở đó đề xuất khung quản lý đa bên và sự hợp tác giữa các BLQ để phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang, với việc chú trọng bảo tồn và phát triển sinh kế cho cộng đồng địa phương.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Khái niệm du lịch sinh thái**

Khái niệm DLST đã được nhiều tổ chức trên thế giới bàn luận. Theo Hiệp hội du lịch sinh thái quốc tế (TIES) (2015) thì “DLST là du lịch có trách nhiệm đối với các khu vực tự nhiên gắn với bảo tồn môi trường, duy trì phúc lợi của người dân địa phương và hướng đến giáo dục”. Theo Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) năm 1996 “DLST là du lịch có trách nhiệm với môi trường ở các khu vực tự nhiên, nhằm thưởng thức và trân trọng thiên nhiên (bao gồm các đặc điểm văn hóa kèm theo trong quá khứ và hiện tại), thúc đẩy bảo tồn, ít tác động đến du khách và mang lại sự tham gia tích cực, có lợi về kinh tế - xã hội đối với người dân địa phương” (trích từ Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc UNEP, 2002). Tại Việt Nam, theo Luật Du lịch (2017) thì “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường”.

### **2.2. Các bên liên quan trong phát triển du lịch sinh thái**

Lý thuyết các bên liên quan đã được các tác giả Byrd (2007), Murphy (1983), Nyaupane & Poudel (2011) và Poudel & cộng sự (2014) sử dụng để nhận diện các BLQ chính đóng vai trò quan trọng đối với điểm đến du lịch và phát hiện ra những mối quan tâm của họ. Ngoài ra, Diamantis (2018) sử dụng lý thuyết các BLQ và chứng minh đó là một công cụ quản lý DLST hiệu quả vì nó cho phép xác định những người đóng vai trò chủ chốt và nhấn mạnh nhu cầu tham gia.

Các tác giả Muganda & cộng sự (2013), Amoako & cộng sự (2022), Malangalila & Mhache (2023), Rahman (2023), Sharma (2024) đều nhấn mạnh sự tham gia của các BLQ đóng vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo tính bền vững của DLST. Việc lắng nghe và tích hợp tiếng nói của các BLQ không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ra quyết định hiệu quả, mà còn thúc đẩy sự phối hợp đa chiều nhằm xây dựng các điểm đến du lịch thân thiện, bảo tồn giá trị văn hóa và phát triển kinh tế xã hội. Mỗi BLQ đều có những vai trò và trách nhiệm riêng, góp phần vào sự thành công của du lịch bền vững. Cụ thể, người dân địa phương có ý kiến trong các dự án du lịch; bảo vệ môi trường, di sản văn hóa và tạo trải nghiệm cho du khách. Du khách tạo doanh thu và quảng bá thông qua truyền miệng và phương tiện truyền thông. Doanh nghiệp tổ chức vận chuyển và cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống. Chính quyền địa phương đảm bảo an ninh và tài nguyên du lịch; xây dựng cơ sở hạ tầng; hoạch định kế hoạch phát triển du lịch cho địa phương. Các tổ chức phi chính phủ tập trung vào vấn đề xã hội, môi trường; cung cấp thông tin về tác động tiềm tàng của dự án du lịch và bảo tồn di sản tự nhiên và văn hóa.

### **2.3. Tổng quan nghiên cứu**

Nghiên cứu của Salman & cộng sự (2022) tìm hiểu quan điểm của các BLQ đến tính bền vững của DLST và công tác quản lý các BLQ tại Đồi Penang (Malaysia). Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc chuyên sâu đối với ba bên: cộng đồng địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan quản lý Đồi Penang. Tất cả các BLQ đều thể hiện sự quan tâm lớn đến bảo tồn môi trường điểm đến. Mặc dù ban quản lý Đồi Penang đã nỗ lực để đạt tính bền vững của DLST, nhưng các BLQ vẫn cần nhiều hỗ trợ hơn từ các cơ quan quản lý để hướng tới tính bền vững của điểm đến, đặc biệt là trong đại dịch Covid-19.

Nghiên cứu của Hamka & cộng sự (2022) đánh giá sự hợp tác của các BLQ trong việc phát

triển DLST ở Badung Regency (Indonesia). Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và khám phá với dữ liệu thu thập từ các cuộc phỏng vấn chuyên sâu, thảo luận nhóm tập trung và dữ liệu thứ cấp. Nghiên cứu chỉ ra rằng những sáng kiến của chính phủ nhằm hỗ trợ khu vực tư nhân, cộng đồng và bảo tồn môi trường vẫn chưa tối ưu. Mối quan hệ giữa các BLQ vẫn còn thiếu lòng tin và sự phụ thuộc lẫn nhau. Vì vậy, cần có sự cam kết của các BLQ, đặc biệt là chính phủ dưới hình thức cung cấp hỗ trợ tài chính, tư vấn và hỗ trợ thủ tục hành chính để tăng cường hợp tác, giảm sự phụ thuộc của cộng đồng vào chính phủ, khuyến khích tính độc lập của doanh nghiệp nhưng vẫn gắn kết lợi ích văn hóa xã hội và bảo vệ môi trường.

Hai nghiên cứu trên đã làm rõ quan điểm và sự hợp tác giữa các BLQ trong phát triển DLST, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế. Thứ nhất, cả hai nghiên cứu đều tập trung vào các điểm DLST trên đất liền. Thứ hai, phương pháp tiếp cận chủ yếu mang tính mô tả, thiếu một khung phân tích hệ thống để đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa các BLQ. Thứ ba, lý thuyết các BLQ chưa được áp dụng một cách toàn diện nhằm lý giải các tương tác phức tạp trong bối cảnh cộng đồng ven biển.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất mô hình quản lý đa bên và sự phối hợp giữa họ tại KBTB Vịnh Nha Trang. Khung này không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu, mà còn có khả năng ứng dụng tại các khu DLST ven biển khác, qua đó mở rộng ứng dụng của lý thuyết các BLQ trong bối cảnh phát triển DLST ở cấp cộng đồng.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu được tiến hành theo hai giai đoạn chính:

Giai đoạn 1 (nghiên cứu tại bàn): thu thập dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2019-2023 từ BQL Vịnh Nha Trang, Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa và các báo cáo, tài liệu học thuật liên quan. Các dữ liệu được sử dụng nhằm mô tả đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, tình hình phát triển du lịch tại địa phương (số lượng khách du lịch, lượng khách qua bến tại Vịnh Nha Trang, doanh thu, số lượng doanh nghiệp lữ hành).

Giai đoạn 2 (khảo sát thực địa): thời gian từ tháng 02 đến tháng 05 năm 2022 dựa trên bảng hỏi cấu trúc với thang đo Likert 5. Bảng hỏi xây dựng dựa trên các tiêu chí đánh giá tính bền vững của điểm đến du lịch theo Hội đồng Du lịch Bến vững Toàn cầu và có hiệu chỉnh từ nghiên cứu của Đào Thủy Tiên (2018). Do giới hạn về nguồn lực và điều kiện tiếp cận, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất có chủ đích. Tiêu chí lựa chọn là những người có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn và sẵn sàng chia sẻ thông tin liên quan đến hoạt động DLST tại khu vực nghiên cứu. Phương pháp lấy mẫu phi xác suất có chủ đích được áp dụng nhằm đảm bảo đại diện cho từng BLQ, cụ thể:

- Người dân địa phương (n=70) tại đảo Bích Đầm (35 hộ) và đảo Trí Nguyên (35 hộ), số bảng hợp lệ được sử dụng là 60. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 từ "Hoàn toàn không đồng ý" đến "Hoàn toàn đồng ý". Mẫu được thu trực tiếp bằng cách phát phiếu cho từng người dân sinh sống trên đảo Bích Đầm và Trí Nguyên. Mỗi bản hỏi trả lời đầy đủ, người trả lời được nhận thù lao là 50.000 đồng.

- Nhóm (1) Khách du lịch (n=100); (2) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch đang hoạt động tại khu vực (n=15); (3) BQL Vịnh Nha Trang (n=15) sử dụng bảng hỏi thang đo Likert 5 từ "Rất kém" đến "Rất tốt. (1) Phiếu hỏi được phát và thu trực tiếp từ khách du lịch. Thời gian tiếp cận khách là buổi trưa sau khi khách trải nghiệm dịch vụ du lịch biển và khách đang nghỉ ngơi chờ về khách sạn. (2) Phiếu hỏi được gửi trực tiếp tới các doanh nghiệp tại bến tàu du lịch Nha Trang và thu lại sau 2 tuần làm việc. (3) Gặp trực tiếp từng người trong BQL Vịnh Nha Trang và thu tại nơi làm việc của họ.

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Khái quát địa điểm nghiên cứu

Vịnh Nha Trang là khu vực tự nhiên hiếm có trên thế giới bởi vịnh có hầu hết đặc trưng của vùng biển nhiệt đới (đất ngập nước, rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, cửa sông, đảo, biển, bãi cát ven bờ) (Nguyễn Trung Hiếu & Đặng Thúy Bình, 2022). KBTB Vịnh Nha Trang có ba hệ sinh thái: rừng ngập mặn (5,4ha), thảm cỏ biển (52,4ha) và rạn san hô (754,1ha). Tuy nhiên, hoạt động xây dựng công trình và phá hủy cảnh quan thiên nhiên ven biển, trên đảo làm suy

thoái cảnh quan, giảm độ phủ san hô, giảm lắng đọng trầm tích trên nền đáy và giảm số lượng sinh vật có hình thái và màu sắc đẹp (Võ Sĩ Tuấn, 2016). So sánh hiện trạng rạn san hô năm 2015 với năm 2022 cho thấy khu vực Đông Bắc và Tây Bắc có độ phủ trung bình giảm từ 53,7% (tình trạng tốt) năm 2015 xuống 32,62% (tình trạng trung bình) năm 2022. Rạn san hô phía Đông Nam và Tây Nam có độ phủ trung bình giảm từ 52,2% (tình trạng tốt) năm 2015 xuống 11,15% (tình trạng kém) năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do tác động của thiên nhiên (bão số 12 năm 2017, tẩy trắng san hô năm 2019 và bão số 9 năm 2021). Hầu hết rạn san hô có độ sâu từ 1-3m bị ảnh hưởng do sóng đánh gãy và khả năng phục hồi rất chậm (Bảng 1).

**Bảng 1. So sánh chất lượng rạn san hô tại Hòn Mun năm 2015 và năm 2022**

Khu vực khảo sát	Năm 2015		Năm 2022	
	Độ phủ trung bình	Tình trạng rạn	Độ phủ trung bình	Tình trạng rạn
Đông-Tây Bắc	53,70%	Tốt	32,62%	Trung bình
Đông-Tây Nam	52,20%	Tốt	11,15%	kém

Nguồn: BQL Vịnh Nha Trang (2023)

**4.2. Sự tham gia của các bên liên quan đến du lịch sinh thái tại KBTB Vịnh Nha Trang**

**4.2.1. Người dân sinh sống trong khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang**

Đảo Bích Đầm và đảo Trí Nguyên là nơi tập trung cư dân đông nhất. Đảo Bích Đầm có điều kiện tự nhiên và xã hội khó khăn nhất thuộc cụm đảo Hòn Tre. Nơi đây có vị trí địa lý xa nhất (cách đất liền khoảng 12km) và gần Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (PKBVNN) Hòn Mun nhất. Đảo có 228 hộ dân sinh sống (09 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo) với khoảng 880 nhân khẩu. Hoạt động kinh tế chủ yếu là khai thác (60%) và nuôi trồng thủy sản (15%); còn lại là làm thuê, buôn bán nhỏ và chăn nuôi (25%). Đảo Trí Nguyên có vị trí địa lý gần đất liền với 670 hộ với 3.377 nhân khẩu, chủ yếu sống bằng nghề nuôi thủy sản.

**Bảng 2: Ý kiến của người dân địa phương đối với phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang**

Tiêu chí	Tần số lựa chọn theo thang đo Likert					Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
	1	2	3	4	5		
<b>1. Phát triển kinh tế - xã hội địa phương</b>							
DLST giúp địa phương tăng trưởng kinh tế	0	0	0	0	60	5,00	0
DLST tạo việc làm cho người dân trong KBTB	20	0	20	0	20	3,00	1,64
DLST giúp nâng cao đời sống người dân trong KBTB	20	10	10	10	10	2,67	1,50
DLST làm tăng sự cạnh tranh việc làm giữa dân bản địa và người dân khác tỉnh	20	0	40	0	0	2,33	0,95
DLST thúc đẩy người dân địa phương nâng cao trình độ văn hoá	0	0	0	0	60	5,00	0
<b>2. Bảo vệ môi trường</b>							
Phát triển DLST phải thúc đẩy hợp tác bảo vệ môi trường từ các bên tham gia	0	0	0	0	60	5,00	0
Tiêu chuẩn môi trường là tiêu chí hàng đầu đánh giá doanh nghiệp khi triển khai dự án DLST	20	0	20	0	20	3,00	1,64
Số lượng khách du lịch tỷ lệ thuận với phí bảo vệ môi trường	20	10	10	10	10	2,66	1,50
Các hoạt động DLST phải có sự quan tâm, kiểm tra, giám sát từ chính quyền định kỳ về môi trường	20	0	40	0	0	2,33	0,95
<b>3. Bảo vệ tài nguyên du lịch</b>							
Phát triển DLST phải thúc đẩy hợp tác bảo vệ đa dạng sinh học từ các bên tham gia	0	0	0	0	60	5,00	0

DLST cần phải đi kèm hoạt động tái tạo nguồn lợi, bảo vệ môi trường	0	0	0	0	60	5,00	0
Các hoạt động DLST phải có sự quan tâm, kiểm tra, giám sát từ chính quyền định kỳ về đa dạng sinh học	0	0	0	0	60	5,00	0
<b>4. Bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương</b>							
Người dân là đối tượng cốt lõi để phát triển DLST	0	0	0	0	60	5,00	0
Người dân được lấy ý kiến đóng góp khi triển khai mô hình DLST	0	0	0	0	60	5,00	0
Văn hóa bản địa của người dân bị thay đổi bởi DLST	25	5	10	20	0	2,41	1,33
Người dân là đối tượng trung tâm để phát huy giá trị văn hóa	0	0	0	0	60	5,00	0
Người dân được tham gia trực tiếp vào hoạt động tổ chức DLST (cung cấp dịch vụ du lịch, cung cấp sản phẩm địa phương)	10	0	30	15	5	3,08	0,83
Phát triển DLST làm giảm bớt áp lực ngư trường khai thác	0	0	20	30	10	3,83	0,60
Quý vị có sẵn lòng tham gia vào chương trình phát triển DLST bền vững không	0	0	0	0	60	5,00	0

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả (2022)

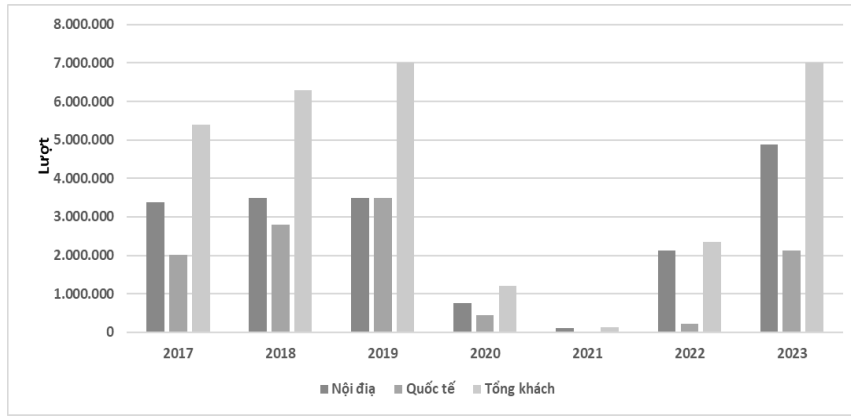
*Về phát triển kinh tế - xã hội:* Kết quả khảo sát cư dân địa phương cho thấy DLST giúp cho địa phương tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách. Tuy nhiên, điều kiện tiếp cận cơ hội việc làm của người dân không đồng đều ( $M=3,00$ ). Người dân đảo Bích Đầm chưa có cơ hội việc làm do vị trí địa lý xa, chỉ có một bến neo đậu tàu thuyền và một chuyến đò dân sinh lúc 6h hàng ngày. Người dân khu vực ven đảo Trí Nguyên dễ tiếp cận việc làm hơn do quãng đường di chuyển ngắn, phương tiện di chuyển giữa đảo và đất liền thường xuyên (20 phút/chuyến), thông tin liên lạc phát triển và dễ dàng nhận thông tin tuyển dụng từ các điểm du lịch lớn (Vinwonder, Hòn Tằm). Vì vậy, người dân có sự phân hóa rõ ràng khi cho rằng DLST chưa nâng cao chất lượng cuộc sống và chưa mang lại lợi ích trực tiếp ( $M=2,67$ ).

*Về bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch:* Đa số người dân đều đồng ý DLST thúc đẩy bảo vệ môi trường từ các bên tham gia. Nhưng họ cho rằng tiêu chí môi trường không phải là tiêu chí hàng đầu để đánh giá chất lượng du lịch. Người dân không đồng ý phí môi trường tỷ lệ thuận với số lượng khách du lịch vì doanh nghiệp xây dựng dự án du lịch gây ảnh hưởng hệ sinh thái, nhưng mức độ xử phạt nhẹ hoặc chưa có phí bắt buộc doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm với cộng đồng. Tuy nhiên, họ đồng ý rằng hoạt động DLST cần có sự kiểm tra, giám sát định kỳ từ chính quyền địa phương về đa dạng sinh học ( $M=5,00$ ).

*Về bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương:* Hầu hết người dân cho rằng tiếng nói của họ là cần thiết khi triển khai DLST vì họ am hiểu địa lý, văn hóa địa phương nên dễ dàng lan tỏa văn hóa đến du khách. Chẳng hạn các hoạt động văn hoá, lễ hội, diễn xướng truyền thống ở đảo Trí Nguyên (lễ hội cầu ngư, lễ hội miếu Bà, lễ hội miếu Ông) có thể phát triển thành sản phẩm du lịch. Còn đảo Bích Đầm là các hoạt động như: lặn ngắm san hô, bắt sao biển gai theo mùa, trồng phục hồi san hô, trải nghiệm nuôi thủy sản. Vì vậy, đa số người dân đều sẵn lòng tham gia DLST. Nhưng họ cũng lo ngại văn hoá địa phương bị thay đổi do DLST ( $M=2,67$ ).

#### 4.2.2. Du khách tham quan KBTB Vịnh Nha Trang

Giai đoạn 2019-2023, ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng đại dịch COVID-19. Năm 2020, tỉnh đón 1,2 triệu lượt khách lưu trú, giảm 82,8% so với năm 2019. Đến năm 2023, số lượt khách du lịch đạt 7 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế hơn 2 triệu lượt) đánh dấu sự phục hồi của ngành du lịch Khánh Hoà sau thời gian dài ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (Hình 1).



**Hình 1. Lượt khách du lịch đến Khánh Hòa giai đoạn 2019-2023**

Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa (2023)

Trong giai đoạn 2019-2021, số lượt khách qua bến tàu tham quan KBTB Vịnh Nha Trang có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 làm doanh thu giảm mạnh. Cụ thể, doanh thu năm 2020 đạt 19,48% so với tổng doanh thu năm 2019 và năm 2021 đạt 21,3% so với năm 2020. Đến năm 2022, 2023 số lượt khách bắt đầu tăng trở lại làm doanh thu cải thiện đáng kể (Bảng 3). Sự phục hồi về lượt khách và doanh thu phản ánh sự cải thiện rõ rệt của ngành du lịch Nha Trang sau khủng hoảng, đồng thời cho thấy tiềm năng phát triển của ngành du lịch trong tương lai.

**Bảng 3. Lượt khách và tổng doanh thu qua bến tại Nha Trang giai đoạn 2019-2023**

Năm	Số khách			Tổng doanh thu (đồng)
	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng	
2019	550.878	949.126	1.500.004	24.029.550.000
2020	322.567	109.740	432.307	4.682.535.000
2021	114.958	1.942	116.900	997.833.000
2022	611.629	35.059	646.688	4.159.184.000
2023	757.566	232.032	989.598	8.607.240.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.357.598</b>	<b>1.327.899</b>	<b>3.685.497</b>	<b>42.476.342.000</b>

Nguồn: BQL Vịnh Nha Trang (2023)

**Đa dạng sản phẩm du lịch:** Trong hình 2 du khách đánh giá cao về sản phẩm du lịch biển khá đa dạng, hấp dẫn như: tắm biển, nghỉ dưỡng, tham quan, lặn biển ngắm san hô, nhảy dù, câu cá trên biển. Nhưng sản phẩm du lịch văn hóa chưa được quan tâm khai thác với DLST. Trong khi đó, cộng đồng cư dân đảo Bích Đầm hiện nay vẫn còn duy trì hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống như: lễ hội Cầu ngư kết hợp cúng Đình Bích Đầm, tục cúng Thanh minh, lễ hội miếu Bà, lễ hội miếu Ông. Thông qua các lễ hội này, du khách được trải nghiệm nét văn hóa truyền thống và phát triển bền vững sinh kế cộng đồng địa phương trên đảo Bích Đầm.

**Hoạt động marketing địa phương:** Theo du khách thì văn hóa bản địa bị thay đổi bởi DLST. Du lịch phát triển nhưng chưa bảo tồn văn hóa truyền thống, chưa quảng bá rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng và chưa bố trí trong tour du lịch. Công tác quảng bá của doanh nghiệp chủ yếu qua hội chợ du lịch hoặc tự thực hiện với quy mô nhỏ lẻ nên hiệu quả chưa cao. Nguồn khách du lịch chủ yếu được giới thiệu tại khách sạn thông qua tờ rơi hoặc poster. Để thu hút du khách, cơ quan địa phương cần tăng cường kết nối với công ty du lịch đẩy mạnh quảng bá thông qua website hay mạng xã hội.

**4.2.3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch**

Với sự đa dạng của các địa điểm tham quan du lịch, số lượng doanh nghiệp lữ hành tại Khánh Hòa ngày càng phát triển về chất và lượng nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan của du khách trong và ngoài nước. Năm 2019, toàn tỉnh có 20 doanh nghiệp lữ hành nội địa và 118 doanh nghiệp lữ hành quốc tế. Đến năm 2023, số doanh nghiệp lữ hành nội địa là 43 doanh nghiệp và doanh nghiệp lữ hành quốc tế là 187 doanh nghiệp (Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa, 2023). Các doanh nghiệp lữ hành tại Khánh Hòa đều có tour tham quan Vịnh Nha Trang như: tour lặn biển ngắm

san hô Hòn Mun, tour 3 đảo (Hòn Mun - Vịnh San Hô - Hòn Miếu); tour 4 đảo (vịnh San Hô - đảo Trí Nguyên - đảo Làng Chài - Hòn Miếu); tour 2 đảo (Hòn Tằm - Hòn Mun) phục vụ du khách.

*Sự phối hợp doanh nghiệp trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:* doanh nghiệp du lịch phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên biển nên hoạt động bảo tồn tài nguyên là rất quan trọng. Do san hô tại PKBVNN Hòn Mun bị suy giảm nghiêm trọng, nên từ tháng 06 năm 2022 UBND tỉnh Khánh Hòa tạm ngưng các hoạt động lặn biển tại Hòn Mun nhằm hạn chế tối đa tác nhân gây ảnh hưởng xấu đến rạn san hô và làm sạch môi trường biển, phục hồi rạn san hô (QĐ3028/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 07/11/2022). Kết quả khảo sát từ hình 2 cho thấy các doanh nghiệp mong muốn được lấy ý kiến trong quy hoạch và bảo vệ tài nguyên. Lý do hoạt động của họ không chỉ cung cấp sản phẩm du lịch mà còn tác động đến vấn đề bảo vệ tài nguyên và phát huy văn hóa truyền thống.

#### 4.2.4. BQL Vịnh Nha Trang

BQL Vịnh Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP. Nha Trang thành lập theo QĐ2259/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 11/09/2012, có chức năng quản lý khai thác, bảo tồn cảnh quan và hệ sinh thái Vịnh Nha Trang. UBND tỉnh Khánh Hòa đã kiện toàn tổ chức, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của BQL Vịnh Nha Trang (QĐ2370/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 12/09/2024). Các Sở ban ngành và cơ quan có liên quan cũng được hướng dẫn cụ thể về cơ chế phối hợp trong công tác quản lý các hoạt động trên Vịnh Nha Trang (QĐ1615/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 03/07/2020) với mục đích nhằm bảo tồn, khai thác hiệu quả và phát triển bền vững Vịnh Nha Trang.

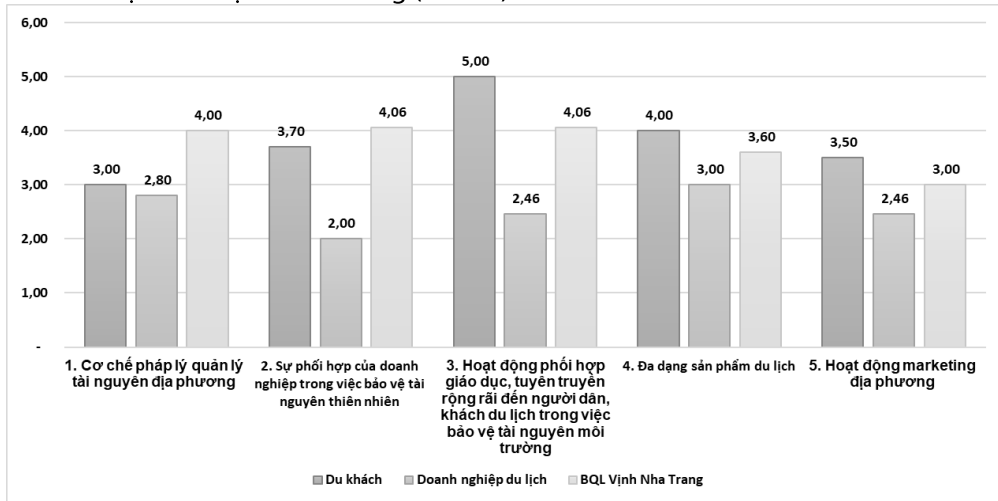
Trong giai đoạn 2007-2012, hợp phần sinh kế bền vững bên trong và xung quanh KBTB được BQL Vịnh Nha Trang triển khai và đạt một số kết quả như: hỗ trợ vốn cho người dân chuyển đổi nghề, tạo thu nhập cho hộ nghèo. Mặc dù BQL duyệt vay tín dụng lãi suất thấp 0,1%/tháng nhưng dự án chỉ hỗ trợ vốn chuyển đổi nghề bởi mức vay hạn chế (30 triệu đồng). Với số vốn này người dân chỉ đủ trang trải chi phí sinh hoạt hằng ngày, không đủ hỗ trợ thay đổi hoặc cải thiện sinh kế. Hoạt động sản xuất mành ốc tại phường Vĩnh Nguyên thuộc dự án cải thiện sinh kế của BQL Vịnh Nha Trang bắt đầu từ năm 2008. Từ năm 2014 đến năm 2022, tình hình sản xuất mành ốc khó khăn do không có đầu ra sản phẩm, dẫn đến hàng tồn kho cao nên các tổ viên ngừng sản xuất và chuyển sang làm công việc khác. Hoạt động ngắm san hô bằng thuyền thúng đáy kính do BQL Vịnh Nha Trang triển khai cho người dân tại PKBVNN Hòn Mun từ năm 2014. Sau 5 năm triển khai, hoạt động này không còn sử dụng vì người dân không cạnh tranh được với dịch vụ tàu đáy kính do các công ty du lịch cung cấp. Người dân vẫn phụ thuộc nhiều vào hoạt động khai thác thủy sản ven bờ, làm tăng áp lực khai thác trái phép và làm suy thoái rạn san hô.

*Cơ chế pháp lý quản lý tài nguyên địa phương:* Kết quả khảo sát cho thấy BQL đã thực hiện tốt việc bảo tồn rạn san hô tại PKBVNN Hòn Mun vì đây là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch tổng thể phục hồi Vịnh Nha Trang đến năm 2030 (QĐ3028/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 07/11/2022). Mặc dù tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều quy định như: QĐ1615/QĐ-UBND ngày 03/07/2020, QĐ3028/QĐ-UBND ngày 07/11/2022, QĐ2370/QĐ-UBND ngày 12/09/2024 nhằm bảo vệ môi trường biển Vịnh Nha Trang, nhưng đa số doanh nghiệp cho rằng cần tăng cường kiểm soát và giám sát hoạt động du lịch tại PKBVNN Hòn Mun. Doanh nghiệp phải ký cam kết hoạt động du lịch cần tuân thủ các quy định bảo vệ san hô như không cho du khách dẫm san hô, bẻ san hô khi lặn biển, giới hạn số lượng du khách lặn trong ngày. Trường hợp vi phạm doanh nghiệp phải chịu chế tài xử phạt nghiêm ngặt. Từ đó, cơ chế pháp lý quản lý tài nguyên địa phương sẽ được doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc.

*Hoạt động phối hợp giáo dục, tuyên truyền rộng rãi đến người dân, khách du lịch trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường:* Kết quả khảo sát cho thấy phát triển bền vững du lịch biển gắn với bảo vệ môi trường Vịnh Nha Trang là vấn đề luôn được BQL quan tâm, giáo dục và tuyên truyền rất tốt đến người dân và du khách. Hoạt động này được BQL thực hiện thường xuyên thông qua kiểm soát người dân, du khách tuân thủ quy định không mang sản phẩm nhựa dùng một lần qua Bến thủy nội địa Phú Quý và Bến tàu du lịch Nha Trang. Đồng thời, BQL Vịnh Nha Trang hỗ trợ chuyên môn và phối hợp với UBND phường Vĩnh Nguyên triển khai mô hình cộng đồng dân cư không sử dụng

sản phẩm nhựa dùng một lần tại đảo Bích Đầm, xây dựng điểm tập kết và phân loại rác để bảo vệ môi trường tự nhiên, tổ chức thu gom và xử lý rác thải đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

Kết quả khảo sát 15 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, 15 cán bộ quản lý làm việc tại BQL Vịnh Nha Trang và 100 du khách tham quan nhằm làm rõ ý kiến của các BLQ đến quá trình phát triển DLST tại KBTB vịnh Nha Trang (Hình 2).

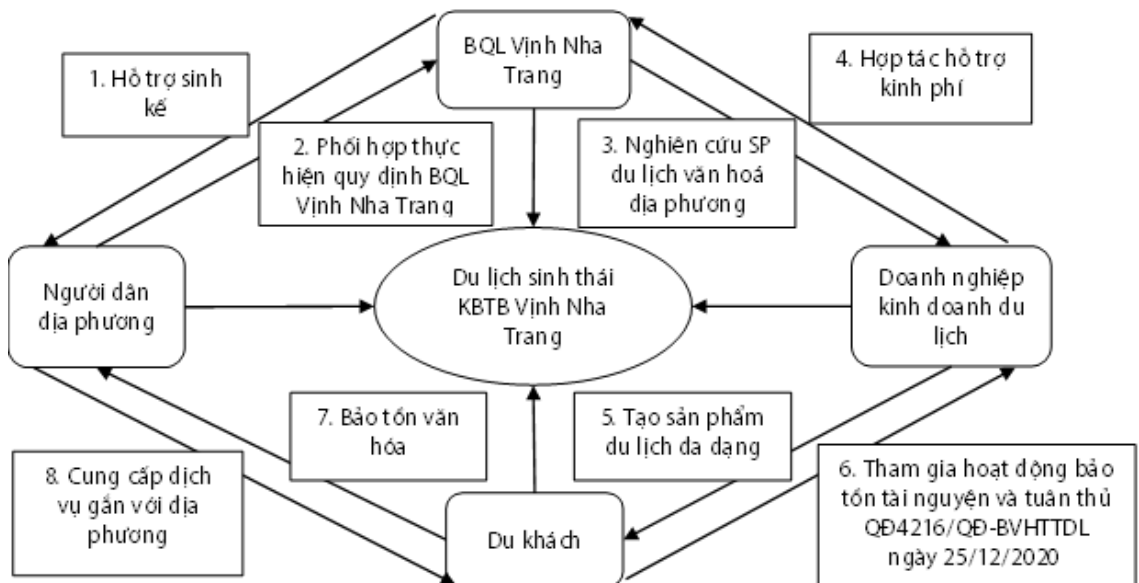


Hình 2. Ý kiến của các BLQ đến phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả (2022)

### 5. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy quan điểm của các BLQ đến phát triển DLST tại KBTB Vịnh Nha Trang. Người dân địa phương đóng vai trò trung tâm và chủ thể bảo tồn văn hóa, là tác nhân thúc đẩy mô hình sinh kế bền vững dựa vào DLST. Du khách góp phần nâng cao nhận diện điểm đến và tạo áp lực thúc đẩy chất lượng dịch vụ. Doanh nghiệp vừa cung cấp dịch vụ, vừa hỗ trợ công tác tiếp thị điểm đến, vừa bảo vệ tài nguyên. BQL Vịnh Nha Trang giữ vai trò điều phối, giám sát tài nguyên và thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng. Nghiên cứu mở rộng ứng dụng lý thuyết BLQ trong DLST tại các KBTB ở quốc gia đang phát triển, đồng thời đề xuất khung tiếp cận quản lý đa bên phù hợp với phát triển DLST tại Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang (Hình 3). Các mũi tên thể hiện sự phối hợp giữa các BLQ trong phát triển DLST. Khung này có thể điều chỉnh để áp dụng cho các KBTB khác, góp phần phát triển DLST gắn với bảo tồn biển.



Hình 3. Mô hình các BLQ và sự phối hợp tại KBTB Vịnh Nha Trang

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả (2025)

### **5.1. BQL Vịnh Nha Trang và người dân địa phương (mũi tên 1&2)**

BQL Vịnh Nha Trang lựa chọn loại hình sinh kế đối với cộng đồng địa phương như: thành lập hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, kết hợp hoạt động nuôi trồng với dịch vụ du lịch và bảo vệ môi trường biển, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô. Đối với các sản phẩm đặc trưng của địa phương như làm mành ốc, thì BQL Vịnh Nha Trang tăng cường hoạt động xây dựng các gian hàng giới thiệu sản phẩm và quảng bá nhằm ổn định đầu ra cho sản phẩm, đảm bảo sinh kế cho người dân.

Người dân tại đảo Bích Đầm nghiêm túc tuân thủ quy định không đánh bắt hải sản trái phép tại PKBVNN Hòn Mun. Người dân trong KBTB thực hiện tập huấn, đào tạo kiến thức, kỹ năng làm du lịch theo hướng dẫn của BQL Vịnh Nha Trang để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu du khách như: ngắm san hô (bằng tàu, thúng đáy kính), lặn có khí tài, phục hồi làng nghề truyền thống và bảo tồn văn hóa địa phương. Để tạo ra giá trị đặc sắc riêng cho đảo Bích Đầm, các hộ dân cần tập trung bảo vệ cảnh quan và môi trường biển đảo, di tích lịch sử văn hóa (đình Bích Đầm, chùa Bích Sơn, Hải đăng...), các hoạt động vui chơi, trải nghiệm trên biển

### **5.2. BQL Vịnh Nha Trang và doanh nghiệp kinh doanh du lịch (mũi tên 3 &4)**

BQL Vịnh Nha Trang chủ động nghiên cứu các sản phẩm du lịch, kết hợp giữa DLST với du lịch cộng đồng (phát triển văn hóa địa phương) và du lịch nghỉ dưỡng theo hướng bền vững để quảng bá sản phẩm đặc trưng của Vịnh Nha Trang. Khi địa phương đã tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo sẽ nâng cao cạnh tranh và xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch.

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch hợp tác, hỗ trợ kinh phí và nguồn nhân lực cho các dự án bảo tồn hệ sinh thái Vịnh Nha Trang. Doanh nghiệp cùng tham gia các hoạt động diễn tập, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu với cộng đồng địa phương và BQL Vịnh Nha Trang.

### **5.3. Doanh nghiệp kinh doanh du lịch và du khách (mũi tên 5&6)**

Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cần hợp tác theo chuỗi giá trị (lữ hành - vận chuyển - lưu trú - ăn uống - tham quan - mua sắm) nhằm tạo ra dịch vụ du lịch hoàn chỉnh, tăng sức cạnh tranh của điểm đến. Ngoài ra, các doanh nghiệp du lịch cần tăng cường liên kết vùng, liên kết địa phương tạo sản phẩm du lịch đa dạng (vừa khai thác di sản, biển và văn hoá vùng miền) để thu hút du khách và phát triển bền vững. Nhờ đó, du lịch tại KBTB Vịnh Nha Trang sẽ trở thành một điểm đến trong một hành trình xuyên các tỉnh.

Khách du lịch khi tham gia du lịch sẽ được tham quan KBTB Vịnh Nha Trang, trải nghiệm các hoạt động bảo tồn cùng doanh nghiệp du lịch, hướng dẫn viên du lịch. Đồng thời, du khách sẽ được tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn như tái tạo nguồn lợi thủy sản, bắt sao biển gai bảo vệ san hô, tham gia văn hóa truyền thống cùng người dân địa phương; được tuyên truyền về hoạt động DLST bền vững, các nét đặc trưng văn hóa tại Vịnh Nha Trang. Du khách cần thực hiện tuân thủ các quy tắc ứng xử bảo vệ môi trường đối với khách du lịch theo quy định 4216/QĐ-BVHTTDL ngày 25/12/2020 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2020) và hướng dẫn của hướng dẫn viên.

### **5.4. Du khách và người dân địa phương (mũi tên 7&8)**

Du khách tham gia du lịch với tinh thần trách nhiệm và tôn trọng văn hóa địa phương. Người dân địa phương cung cấp dịch vụ du lịch biển đảo cho du khách như: hướng dẫn du lịch, cung cấp dịch vụ lưu trú homestay và dịch vụ ăn uống các loại đặc sản địa phương... Đồng thời, người dân tham gia các lớp tập huấn về du lịch để trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết (ngoại ngữ, giao tiếp, cứu nạn) và được hỗ trợ vay vốn ưu đãi để khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

### **Tài liệu tham khảo**

Amoako, G. K., Obuobisa-Darko, T. & Marfo, S. O. (2022), Stakeholder role in tourism sustainability: the case of Kwame Nkrumah Mausoleum and centre for art and culture in Ghana, *International Hospitality Review*, 36(1), 24-44, <https://doi.org/10.1108/IHR-09-2020-0057>.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020). *QĐ4216/QĐ-BVHTTDL về quy tắc ứng xử bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch ngày 25/12/2020*.

BQL Vịnh Nha Trang (2023). *Thống kê dữ liệu lượt khách qua bến tại Nha Trang giai đoạn 2019-2023*.

BQL Vịnh Nha Trang (2015). *Thông tin, hình ảnh hoạt động bảo tồn biển Vịnh Nha Trang*, truy cập <https://vinhnhatrang.net/cong-tac-bao-ton-moi-truong/863.html>, ngày 25/12/2024.

Byrd, E. T. (2007). Stakeholders in Sustainable Tourism Development and Their Roles: Applying Stakeholder Theory to Sustainable Tourism Development, *Tourism Review*, 62(2), 6-13, <https://doi.org/10.1108/16605370780000309>.

Diamantis, D. (2018), Stakeholder ecotourism management: exchanges, coordination's and adaptations, *Journal of Ecotourism*, 17(3), 203-205, <https://doi.org/10.1080/14724049.2018.1502122>.

Đào Thủy Tiên (2018). *Phát triển du lịch bền vững TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Nha Trang.

Hamka, Koesponco, E., Anita, Cahyaningrum, S. & Yusuf, M. (2022). Stakeholder Collaboration in Developing Sustainable Ecotourism in Badung, The 3rd International Conference on Governance, Public Administration, and Social Science (ICoGPASS), *KnE Social Sciences*, 1348-1370, <https://doi.org/10.18502/kss.v7i9.11020>.

Malangalila, S. R. & Mhache, E. P. (2023), The Role of Local Government in the Development of Tourism in Iringa Region, Tanzania, *International Journal for Multidisciplinary Research*, 5(5), 1-13, <https://doi.org/10.36948/ijfmr.2023.v05i05.6555>.

Muganda, M., Sirima, A. & Ezra, P. M. (2013), The Role of Local Communities in Tourism Development: Grassroots Perspectives from Tanzania, *Journal of Human Ecology*, 41(1), 53-66, <https://doi.org/10.31901/24566608.2013/41.1.07>.

Murphy, P. E. (1983). Perceptions and Attitudes of Decisionmaking Groups in Tourism Centers, *Journal of Travel Research*, 21(3), 8-12, <https://doi.org/10.1177/004728758302100302>.

Nguyễn Trung Hiếu & Đặng Thúy Bình (2022). Thành phần loài và phân bố của rong biển trên các rạn san hô ở vịnh Nha Trang, *Tạp chí Khoa học-Công nghệ Thủy sản*, 1, 30-39, <https://doi.org/10.53818/jfst.01.2022.90>.

Nyaupane, G. P. & Poudel, S. (2011). Linkages among Biodiversity, Livelihood, and Tourism, *Annals of Tourism Research*, 38(4), 1344-66, <https://doi.org/10.1016/j.annals.2011.03.006>.

Poudel, S., Nyaupane, G.P. & Budruk, M. (2016), Stakeholders' Perspectives of Sustainable Tourism Development: A New Approach to Measuring Outcomes, *Journal of Travel Research*, 55(4), 1-16, <https://doi.org/10.1177/0047287514563166>.

Rahman, M. (2023). Stakeholders in tourism development, *Howandwhat*, <https://www.howandwhat.net/stakeholders-tourism-development/>.

Salman, A., Jaafar, M. & Mohammad, D. (2022). Perspectives of Key Stakeholders on Ecotourism Sustainability and Stakeholder Management: A Case Study of Penang Hill, *e-Review of Tourism Research (eRTR)*, 19(2), 159-193.

Sharma, A. (2024). International Handbook of Skill, Education, Learning, and Research Development in Tourism and Hospitality, Springer International Handbooks of Education, ISSN 2197-1951, <https://doi.org/10.1007/978-981-97-4318-6>.

Quốc hội 14 (2017). *Luật Du lịch số 09/2017/QH14*.

Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa (2023). *Báo cáo số liệu kết quả hoạt động kinh doanh du lịch 2019-2023*.

The International Ecotourism Society (TIES) (2015). *TIES Announces Ecotourism Principles Revision*, <https://ecotourism.org/news/ties-announces-ecotourism-principles-revision/>.

Võ Sĩ Tuấn (2016). Bảo tồn đa dạng sinh học biển nhằm phát triển kinh tế xanh ở tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam, *Tuyển Tập Nghiên Cứu Biển*, 22, 172-179.

UNEP (2002), *UNEP manual for the International Year of Ecotourism IYE 2002*.

UBND tỉnh Khánh Hòa (2012). *QĐ2259/QĐ-UBND v/v thành lập Ban quản lý Vịnh Nha Trang ngày 11/09/2012*.

UBND tỉnh Khánh Hòa (2020). *QĐ1615/QĐ-UBND ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý các hoạt động trên Vịnh Nha Trang ngày 03/07/2020*.

UBND tỉnh Khánh Hòa (2022). *QĐ3028/QĐ-UBND về kế hoạch tổng thể phục hồi vịnh Nha Trang đến năm 2030 ngày 07/11/2022*.

UBND tỉnh Khánh Hòa (2024). *QĐ2370/QĐ-UBND v/v kiện toàn tổ chức Ban Quản lý Vịnh Nha Trang ngày 12/09/2024*.